

*- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.*

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM  
QUYỂN HAI

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thỉ đến nay, lạc mất bản tâm, lầm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần, hôm nay khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn vọng hư thật của thân tâm, phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt ngay trước mắt.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

- Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Tỳ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua:

- Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cang, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?

- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

- Đúng thế, đại vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mơn mớn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

Phật nói:

- Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!

- Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười, khi ba mươi tuổi lại sút hơn lúc hai mươi, đến nay đã sáu mươi hai, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dời đổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, trong mỗi sát na

niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy.

Phật nói:

- Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

- Con thật chẳng biết!

Phật nói:

- Nay ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp:

- Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói:

- Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước



sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?

Vua đáp:

- Tánh thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác. (Bản kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi).

Phật nói:

- Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc

nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ!

Phật nói:

- Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh (năng thấy) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến; biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mặt Già Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt!

Vua nghe Phật dạy, tin biết Bốn Kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có. Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ, quỳ gối bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan:

- Nay người thấy tay ta là chánh hay đảo?

A Nan đáp:

- Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo.

Phật bảo A Nan:

- Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp:

- Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Phật liền giơ cánh tay lên, bảo rằng:

- Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; nay người thế gian đầu đuôi đối nhau, cho thuận là đảo,

cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các người gọi là tánh điên đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?

## LƯỢC GIẢI

Thanh tịnh pháp thân tức diệu tâm sáng tỏ chơn thật (gốc), kiến văn giác tri tức là vật do diệu tâm hiện ra (ngọn); về gốc là chánh, theo ngọn là đảo, ví như bọt nổi nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Phật hỏi A Nan: Người thấy tay ta là chánh hay đảo? Khi đó A Nan nên ở nơi tánh thấy của mình trực ngộ thể nào chánh, thể nào đảo, chẳng nên nơi tay Như Lai cho là chánh, là đảo. Cũng như Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, chẳng nhờ căn thức được thấy Pháp thân Như Lai, gọi là Chánh Biến Tri. Dùng mắt A Nan để thấy tay Như

Lai, lại ở nơi tay phân biệt chánh hay đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh nên gọi là tánh điên đảo.

\*\*\*\*\*

Khi ấy A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm bảo khắp trong Hội rằng:

- Các thiện nam tử! Ta thường nói: các duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn, vui, yêu, ghét



v.v...) các pháp sở duyên (cảnh trần) đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê (vọng tâm) nơi ngộ (diệu tâm) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh (diệu tâm sáng tỏ) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tướng (vọng tưởng), tướng

(vọng sắc) làm thân, nhiếp trì thân tâm là thức thứ tám, tụ duyên lay động bên trong là thức thứ bảy, dong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiều loạn lăng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện, ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt nước cho đó là bao gồm tất cả nước biển, cũng như các người, tự bỏ Bản Kiến, lại ở nơi tay

ta phân biệt chánh, đảo, thật là mê lại thêm mê. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy.

A Nan thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

- Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dấu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là bản tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu

pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con, để được đến đạo vô thượng.

Phật bảo A Nan:

- Các người nay còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, cũng chẳng biết ngón tay. Tại sao? Vì cho ngón tay là

mặt trắng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho cái bản thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trắng, chẳng rõ được hai tướng sáng tối vậy. Các người cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tiếng thuyết pháp của ta, cho là tâm của các người, thì tâm này phải lìa sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt. Ví như người đi đường ở lại khách sạn, nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trú, còn người giám đốc khách sạn thì khởi đi đâu cả, nên gọi là chủ. Nay cũng như thế, nếu là chơn tâm (chủ)

của người thì khởi cần đi đâu, sao lại là âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt? Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, là các sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (thần ngã). Nếu là các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trả về, lấy gì làm chủ?

A Nan nói:

- Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói, sao chẳng có chỗ trả về? Xin Phật thương xót, khai thị cho con.

Phật bảo A Nan:

- Nay người thấy được ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (đệ nhị nguyệt), kiến tinh này chẳng phải là diệu tâm sáng tỏ (đệ nhất nguyệt), gượng nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về. A Nan, như đây, giảng

đường mở cửa bên đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối; chỗ có cửa neo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa, A Nan, người xem các tướng biến hóa này, nay ta trả về chỗ bản nhân của nó! Sao gọi là bản nhân? Các tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời, tại sao? Vì không mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa neo, nghẽn trả về



vách tường, duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những loại này, vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu? Nếu trả cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối, thế thì sáng tối chẳng thể phân biệt, còn bảy thứ kia cũng giống như vậy. Những cái trả về được tất nhiên chẳng phải người, cái không thể trả về, chẳng phải người là ai? Vậy biết tâm người vốn diệu minh trong sạch, người tự mê muội lạc mất bản tâm, cam chịu luân

hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!

A Nan nói:

- Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?

Phật bảo A Nan:

- Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, các Bồ Tát thấy

trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm. A Nan, nay ta cùng người xem cung điện của Tứ Thiên Vương, từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ, đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt, nay ta cho người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng? A Nan, cùng tột sức thấy của người, từ cung trắng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ

thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông, đất đai, người thú, cỏ lá... đều là vật chứ chẳng phải người. A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của người mà nhìn thấy. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác, cái kiến tinh diệu minh này chính là tánh thấy của người.

- Nếu kiến tinh là vật thì người cũng có thể thấy kiến tinh của ta, nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh

ta, thì lúc ta chẳng thấy, sao người không thấy chỗ chẳng thấy của ta? Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; nếu không thấy chỗ chẳng thấy của ta, thì kiến tinh tất nhiên phi vật, sao lại chẳng phải người?

- Nếu kiến tinh là vật, thì vật cũng có tánh thấy, lúc người thấy vật, vật cũng thấy người, thể tánh lẫn lộn thì người và ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập. A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải ta thấy, thì cái tánh thấy cùng khắp đó không

phải người là ai? Sao lại tự nghi chơn tánh của người cho là chẳng chơn, mà cầu sự thật nơi ta?

## LƯỢC GIẢI

Tại sao nói kiến tinh này là người chẳng phải vật? Nếu kiến tinh là vật thì kiến tinh của ta người cũng thấy được, nhưng sự thật thì kiến tinh của ta người chẳng thể thấy.

Nếu nói ta thấy người thấy, lúc cùng thấy tức là thấy kiến tinh của ta, vậy thì lúc ta thấy, người đã

thấy được rồi, lúc ta chẳng thấy, người cũng phải thấy được chứ, mà sự thật lại chẳng như thế.

Nếu nói lúc thấy là dùng cái thấy để thấy, lúc chẳng thấy là dùng cái chẳng thấy để thấy, gọi là thấy chỗ chẳng thấy của ta, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái tướng chẳng thấy kia? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho người thấy được, tức là tướng thấy, lại chẳng phải tướng chẳng thấy. Vậy biết: chỗ chẳng thấy của ta, người nhất định chẳng thể thấy được; lúc ta chẳng thấy, người đã chẳng

thể thấy được thì lúc cùng thấy cũng chẳng thể thấy, thấy và chẳng thấy đều chẳng thể chỉ ra kiến tinh, vậy kiến tinh của ta rõ ràng phi vật. Kiến tinh của ta phi vật thì kiến tinh của người cũng là phi vật vậy. Kiến tinh của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật, làm sao chẳng phải người? Đây là dùng cái nghĩa chẳng thể thấy để sáng tỏ kiến tinh phi vật. Nếu kiến tinh có thể thấy được thì kiến tinh cũng là vật vậy, làm sao được làm chủ vạn tượng mà an lập cõi thế gian.



\*\*\*\*\*

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con chứ chẳng phải ai khác, thì khi con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên vương và cung trăng, tánh thấy này cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá, chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang. Thế Tôn, tánh thấy như vậy, bản thể vốn cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ một phòng, vậy là do tánh thấy rút lớn thành nhỏ, hay

do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ.

Phật bảo A Nan:

- Tất cả sự vật lớn, nhỏ trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông, ta lại hỏi người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; nếu

chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói "trừ bỏ tướng vuông của hư không" (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

- Cũng như người hỏi: Khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo

cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục một lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, tùy vật xoay chuyển, nên thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng, thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm mười phương quốc độ trên đầu một mảy lông.

- Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là diệu tánh của con, thì diệu tánh nay ở ngay trước mắt; diệu tánh đã là con thì thân tâm con lại là vật gì?

- Nếu nói thân tâm chẳng phải diệu tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật; nếu nói trước mắt đều là diệu tánh, thì cái kiến tinh kia sao lại chẳng phân biệt được thân con?

- Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia, thật là bản tâm của con thì phải cho con thấy

ngay, vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con, thế thì kiến tinh đã ở bên ngoài thân, sao được gọi là diệu tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia đã hỏi gạn rằng: "Vật thấy được con"? Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Phật bảo A Nan:

- Nay người nói kiến tinh ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có

phương sở, chẳng phải không chỉ ra được. Nay ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, người hãy ở trước tòa Sư Tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu kiến tinh thật ở trước mắt người, thì người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu

vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!

A Nan nói:

- Nay con ở giảng đường này; nhìn ra từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói; chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng



con, cho đến Bồ Tát, cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh.

Phật nói:

- Đứng thế! Đứng thế!

Phật lại bảo A Nan:

- Như lời người nói, chẳng có kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà người chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay ta lại bảo người: người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà,

xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho người chỉ, người hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?

A Nan đáp:

- Con xem khắp cả rừng Kỳ Đà, thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây; như vậy cho đến nếu hư không chẳng phải kiến tinh thì sao

lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không. Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả.

Phật nói:

- Đúng thế! Đúng thế!

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngơ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ,

Như Lai biết họ bấn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng:

- Các thiện nam tử, lời chơn thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối chẳng vọng, như sở như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!

## LƯỢC GIẢI

Tại sao ngo ngác chẳng biết đầu đuôi của nghĩa này? Vì trước thì nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật; trước nói diệu tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra, nên ngo ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay vậy.

"Nói lời chơn thật, như sở như thuyết" v.v... tức ngữ ngữ trong Kinh Kim Cang. Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung với nhị thừa (có sanh tử để diệt, có Niết Bàn để chứng); thật ngữ là nghĩa chung với Bồ Tát (nghĩa đại thừa, sanh tử và

Niết Bàn đều như hoa đốm trên không); như ngữ là nghĩa chẳng chung với tam thừa (trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả); vô thật vô hư; vô hư nên bất cuồng ngữ (chẳng dối), vô thật nên bất dị ngữ (thấy trước việc chưa đến gọi là Bất Dị). Ở đây chỉ dùng hai chữ "chẳng vọng" để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: Ngoại đạo chấp cõi trời thường trụ gọi là Bất tử, cho "chẳng đáp càn" được sanh cõi trời ấy, nếu thật chẳng biết mà đáp càn, sợ thành

càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng "Lời bí mật chẳng nên nói hết", hoặc đáp chẳng định. Phật quả rằng: họ thật là kẻ càn loạn vậy.

\*\*\*\*\*

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Đại chúng trong Hội này chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với Kiến Tinh và Sắc Không của Như Lai vừa hiển bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc

không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị kia vốn là vật gì?

Phật bảo Văn Thù và Đại Chúng:

- Mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, kiến tinh (năng



kiến) với sắc không (sở kiến), ý năng tưởng, tướng sở tưởng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Thị hay Phi Thị ở trong đó? Văn Thù, nay ta hỏi ngươi, như ngươi là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có Thị tức có hai

Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng Thị và Phi.

Phật nói:

- Bản kiến diệu minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là Thị nguyệt, cái nào là Phi nguyệt? Văn Thù, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng Thị nguyệt Phi nguyệt. Cho nên nay người phát minh đủ thứ

kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tưởng, chẳng thể chỉ ra Thị hay Phi Thị. Vì giác tánh tinh diệu sáng suốt, nên khiến người được vượt khỏi "chỉ và phi chỉ" vậy.

A Nan bạch Phật rằng:

- Đúng như Pháp Vương nói, Bản Giác khắp mười phương thế giới, trạm nhiên thường trụ, tánh chẳng sanh diệt. Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La và những ngoại đạo nói có Chơn Ngã cùng khắp mười phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã

từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này cho Đại Huệ rằng: "Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ". Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật sáng tỏ của diệu tâm.

Phật bảo A Nan:

- Nay ta dùng phương tiện chơn thật như vậy khai thị cho người, người còn chưa ngộ, lại làm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên thì tự phải xét rõ cái thể của tự nhiên, người hãy quán xét trong bản kiến diệu minh này, lấy gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rỗng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể? Nếu sáng là tự thể thì chẳng thể thấy tối, nếu rỗng không là tự thể thì chẳng thể thấy ngăn bít, như vậy cho đến nếu lấy tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng?

A Nan nói:

- Nếu bản tánh diệu kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai: Nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?

Phật bảo:

- Người nói nhân duyên, ta lại hỏi người, nay người nhân kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có thấy hay nhân tối có

thấy? Nhân rộng không có thấy hay nhân ngắn bít có thấy?

- A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rộng không, nhân ngắn bít, đều đồng như sáng tối.

- Lại nữa, A Nan, kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rộng không có thấy hay duyên ngắn bít có thấy?

- A Nan, nếu duyên rỗng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rỗng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rỗng không và ngăn bít.

- Nên biết cái bản giác diệu minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. Vô Phi và Bất Phi, Vô Thị và Phi Thị, là tất cả tướng, là tất cả pháp. Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hí luận của thế gian,



vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?

- Bạch Thế Tôn! Nếu bản kiến diệu minh phi nhân phi duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các Tỳ Kheo rằng: Tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?

Phật nói:

- Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa. A Nan, ta lại hỏi ngươi: người thế gian nói "tôi thấy", vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?

A Nan đáp:

- Người thế gian nhờ ánh sáng nhật nguyệt và đèn, thấy tất cả tướng gọi là thấy, nếu không có ba thứ ánh sáng này thì chẳng thể thấy.

- A Nan, nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì chẳng thể thấy tối, nếu thấy tối chỉ là không sáng thì sao gọi là chẳng thấy?

- A Nan, nếu lúc tối chẳng thấy sáng gọi là chẳng thấy; mà lúc sáng chẳng thấy tối cũng phải gọi là chẳng thấy, vậy thì hai tướng sáng tối đều gọi là chẳng thấy.

- Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của người tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều là thấy, sao nói chẳng thấy?

- A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, kiến tinh chẳng phải sáng; trong lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; trong lúc thấy rộng không kiến tinh chẳng phải rộng không; trong lúc thấy ngăn bít, kiến tinh chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn sai như vậy.

- Lại người nên biết: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập, tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tương hòa hợp? Hàng Thanh Văn như các người trí kém tâm hẹp,

chẳng thông đạt thật tướng trong sạch, nay ta dạy người nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

## LƯỢC GIẢI

Hai chữ Kiến Kiến tức là bản kiến tự hiện, chẳng có năng kiến, sở kiến, Phật đã giải thích kỹ càng trong quyển nhì này; nếu có năng sở, đều là kiến bệnh đã thành từ vô thỉ, có năng kiến năng giác đều là bệnh. Vì bản kiến bản giác chẳng ở trong bệnh mới gọi là kiến kiến, tức là kiến tánh. Tự tánh

chẳng phải sở kiến, nên cũng chẳng có năng kiến để kiến tự tánh, vậy lúc kiến kiến (Kiến kiến chi thời), dù nói kiến nhưng chẳng phải là kiến (Kiến phi thị kiến), vì chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên nói kiến còn phải lìa kiến (kiến do ly kiến), vì Năng kiến chẳng thể thấy đến, nên nói Kiến bất năng cập.

\*\*\*\*\*

- Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và chẳng hòa

hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói Kiến Kiến Phi Kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được diệu tâm sáng tỏ trong sạch.

Nói xong, rơi lệ đánh lễ, kính nghe lời dạy của Phật.

Bảy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng, sắp khai giảng pháp tổng trì (tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa), những đường tu vi diệu của các thiền quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

- Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma tha, tâm còn chưa rõ, nay người hãy chú ý nghe, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

- A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?



- Một là vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.
- Hai là vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.
- Sao gọi là vọng kiến Biệt Nghiệp?
  - A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhắm, ban đêm thấy ánh sáng, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?
  - Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhắm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhắm

mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhắm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

- Lại nữa A Nan! Nếu là ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu là kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhắm lại thấy bóng tròn?

- Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là

bệnh nhậm, kẻ thấy được nhậm thì chẳng phải bệnh; chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

- Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải bản thể, cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt. Tại sao? Vì do dục mắt mới thành có đệ nhị nguyệt. Người trí chẳng nên truy cứu cái đệ nhị nguyệt này là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải kiến tinh, vì đó là do dục mắt sanh ra, thể thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhậm

mà thành, nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Huống còn vọng sanh phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư?

Sao gọi là vọng kiến Đồng Phận?

- A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra, phần đất bằng gồm có ba ngàn châu, ở giữa là đại châu, Đông Tây bao gồm hai ngàn ba trăm nước, ngoài ra các tiểu châu ở giữa biển hoặc có từ hai trăm đến ba trăm nước, hoặc có từ một, hai cho đến bốn

mười, năm mươi nước. A Nan, ví như trong đó có một tiểu châu, chỉ có hai nước, dân một nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra v.v... chỉ cả nước này thấy đủ thứ ác tướng như vậy, còn dân nước kia lại chẳng hề thấy nghe những ác tướng đó.

- A Nan, nay ta vì người đem hai việc kể trên so sánh cho rõ: Như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình

như có cảnh tượng trước mặt, nhưng cái thấy ấy vốn do mắt nhắm mà thành, nhắm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người thấy được nhắm thì chẳng có kiến bệnh (Biết Phật tánh vẫn là bệnh, phải được thấy Phật tánh mới hết bệnh).

- Như người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thủy. Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy, nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, giống

cái giác minh của người duyên cái sở thấy thành nhậm.

- Bản giác có năng thấy tức là nhậm, "Bổn giác minh tâm" là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đó mới thật là Kiến Kiến (tức là kiến tánh). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi là Kiến, Văn, Giác, Tri nữa!

- Cho nên, người hôm nay thấy ta, thấy người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng

phải kẻ có kiến bệnh, thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là Kiến.

- A Nan! Vọng kiến Đồng Phận của cả nước, cũng như vọng kiến Biệt Nghiệp của một người. Người mắt nhắm thấy bóng tròn kia là do biệt nghiệp sở sanh; cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thỉ.

- Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu, đều vì đem cái sáng tỏ



vô lậu của diệu tâm, cùng với bệnh duyên hư vọng của kiến, văn, giác, tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được bản tâm trong sạch bản giác thường trụ.

- A Nan! Người dù đã ngộ bản giác diệu minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ bản giác này chẳng phải do hòa hợp sanh,

cũng chẳng phải không hòa hợp. A Nan, ta dùng sự tiền trần hỏi người, nay người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi. Vậy thì cái kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hoà với nghẽn?

- Nếu hòa với sáng, thì khi người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xen lộn ở đâu? Tương thấy còn có

thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

- Nếu chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

- Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì còn chỗ nào để hòa với kiến tinh. Kiến tinh phải khác với sáng, khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói

hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa  
nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của người là hợp với  
sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với  
nghẽn?

- Nếu hợp với sáng, thì khi tối, tướng sáng đã  
diệt, thì kiến tinh này chẳng thể hợp với tối, làm  
sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối, thì  
khi hợp với sáng cũng chẳng phải thấy sáng. Đã  
chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng, và biết cái

sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ, cái bản giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hòa hợp.

Phật bảo:

- Nay người lại cho là chẳng hòa hợp, ta lại hỏi người, cái kiến tinh này nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối? Chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với nghẽn?

Nếu chẳng hoà với sáng, thì kiến tinh với cái sáng phải có ranh giới, vậy người hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

- A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, kiến tinh của người nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp

với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với  
nghẽn?

- Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng  
hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng  
chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết  
chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay  
chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa  
cũng như vậy.

- A Nan! Người còn chưa rõ tất cả tướng huyền  
hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo

nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyễn hóa hư vọng này vốn là diệu giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi là diệu minh thường trụ, bất động chu viên (cùng khắp không gian), diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.



## NGŨ ẨM VỐN VÔ SANH

- Sao nói Ngũ Ẩm vốn là Như Lai Tạng, cũng là Diệu tánh chơn như?

### 1. SẮC ẨM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (hoa đốm dụ cho sắc ẩm), hoặc

thấy những tướng lăng xăng giả dối. Nên biết sắc âm cũng vậy.

- A Nan! Những hoa đóm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở vào hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng thể dung nạp tướng hoa đóm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

- Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt; nếu từ mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không, thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói thấy hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết sắc âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

## 2. THỌ ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người tay chân khỏe mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn sự thuận nghịch, người ấy vô có hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay. Nên biết thọ ấm cũng vậy.

- A Nan! Những xúc giác huyền hóa này (xúc giác dụ cho thọ ấm), chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân

thê? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc  
ư?

- Nếu từ bàn tay ra thì chẳng cần đợi hai bàn tay  
hợp lại mới có xúc giác; lại, đã từ bàn tay ra, lúc  
hai tay hợp lại biết có xúc giác, lúc hai tay rời ra thì  
xúc giác phải chạy vào, vậy xương tủy, cánh tay  
cũng phải biết được cái dấu tích của xúc giác khi  
vào. Nếu có tâm biết ra biết vào, thì phải có một  
vật đi lại trong thân, đâu cần đợi hai tay hợp rồi mới  
gọi là tiếp xúc!

- Nên biết thọ âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

### 3. TƯỚNG ÂM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, (nước miếng và ghê rợn dụ cho tướng âm), nên biết tướng âm cũng vậy.

- A Nan! Cái tiếng chua này chẳng từ trái mơ ra, cũng chẳng từ miệng ra. Nếu từ trái mơ ra thì trái mơ tự biết nói, đâu cần đợi người nói? Nếu từ

miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi tai nghe? Nếu chỉ riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tưởng tượng mình leo dốc thì cũng như vậy. Nên biết tướng âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

#### 4. HÀNH ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (dòng nước dụ cho Hành Ấm), làn sóng nối tiếp, lớp trước

lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết Hành Âm cũng vậy.

- A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng là hư không và nước.

- Nếu do hư không sanh ra thì mười phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận, và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, hai tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng



phải là nước; nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng lại chẳng phải tự thể của nước. Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài, và ngoài nước ra chẳng có dòng nước. Nên biết hành âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

## 5. THỨC ÂM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (cái bình dụ cho nghiệp thân), trong đựng đầy hư không

(hư không dụ cho thức ấm), bít kín miệng bình đem xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết Thức Ấm cũng vậy.

- A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào. Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi, thì phương kia phải thiếu hư không. Nếu từ phương này vào, khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra. Nên biết thức ấm hư vọng, vốn

chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

## LƯỢC GIẢI

Trung Quán Luận có bài kệ rằng:

*Các pháp chẳng tự sanh,  
Cũng chẳng phải tha sanh,  
Chẳng cộng chẳng vô nhân,  
Cho nên nói Vô Sanh.*

Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh. Sao nói chẳng

tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh. Sao nói chẳng cộng sanh? Vì tự và tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là Vô Sanh, vì chẳng có lý do nào để sanh vậy.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì Sắc như dụi mắt thấy hoa đóm trên không; Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; Tưởng như

nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; Hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh (nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh); Thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức. Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng

sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến thất đại ở quyển sau, đều sáng tỏ nghĩa này (Vạn Pháp Vô Sanh).

\*\*\*\*\*

(QUYỂN HAI HẾT)